

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH GIA LAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 2089 /KH-UBND

Gia Lai, ngày 20 tháng 9 năm 2018

## **KẾ HOẠCH**

### **Tuyển dụng công chức các cơ quan hành chính cấp tỉnh, cấp huyện của tỉnh Gia Lai năm 2018**

#### **I. CĂN CỨ PHÁP LÝ**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015;

Căn cứ Luật Cán bộ, công chức ngày 13 tháng 11 năm 2008; Nghị định số 24/2010/NĐ-ND ngày 15 tháng 3 năm 2010 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý công chức và Nghị định số 93/2010/NĐ-CP ngày 31 tháng 8 năm 2010 của Chính phủ sửa đổi một số điều của Nghị định số 24/2010/NĐ-CP ngày 15 tháng 3 năm 2010 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý công chức;

Căn cứ Thông tư số 13/2010/TT-BNV ngày 30/12/2010 của Bộ Nội vụ quy định chi tiết một số điều về tuyển dụng và nâng ngạch công chức; Thông tư số 05/2012/TT-BNV ngày 24/10/2012 của Bộ Nội vụ sửa đổi một số điều của Thông tư số 13/2010/TT-BNV ngày 30 tháng 12 năm 2010 của Bộ Nội vụ; Thông tư số 03/2015/TT-BNV ngày 10/3/2015 của Bộ Nội vụ sửa đổi, bổ sung Điều 9 Thông tư số 13/2010/TT-BNV ngày 30/12/2010 của Bộ Nội vụ; Thông tư số 228/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí tuyển dụng, dự thi nâng ngạch, thăng hạng công chức, viên chức; Thông tư liên tịch số 02/2014/TTLT-BNV-UBND ngày 11/9/2014 của Bộ Nội vụ - Ủy ban dân tộc quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành chính sách cán bộ, công chức, viên chức người dân tộc thiểu số quy định tại Điều 11 Nghị định số 05/2011/NĐ-CP ngày 14/01/2011 của Chính phủ về công tác dân tộc; Quyết định số 402/QĐ-TTg ngày 14/3/2016 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án phát triển đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức người dân tộc thiểu số trong thời kỳ mới;

Căn cứ Quyết định số 262/QĐ-UBND ngày 12/6/2018 của UBND tỉnh về việc phân bổ biên chế công chức, số lượng người làm việc và hợp đồng lao động theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP cho các sở, ban ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố và đơn vị sự nghiệp thuộc tỉnh năm 2018; Quyết định số 462/QĐ-UBND ngày 18/4/2018 của UBND tỉnh về việc điều chỉnh, bổ sung kế hoạch tỉnh giảm biên chế hành chính sự nghiệp giai đoạn năm 2015 - 2021;

## **II. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU**

**1. Mục đích:** Tuyển dụng công chức vào làm việc tại các sở, ban ngành, huyện, thị xã, thành phố đảm bảo chất lượng, đủ về số lượng, đúng cơ cấu vị trí việc làm, đáp ứng được yêu cầu, nhiệm vụ công việc được giao.

### **2. Yêu cầu:**

- Tuyển dụng công chức phải căn cứ vào yêu cầu, nhiệm vụ, vị trí việc làm theo danh mục đã được Bộ Nội vụ phê duyệt và tiêu chuẩn nghiệp vụ của ngạch công chức cần tuyển; căn cứ vào chỉ tiêu biên chế công chức đã được UBND tỉnh giao.

- Việc tổ chức tuyển dụng công chức phải đảm bảo công khai, công bằng, khách quan, dân chủ, cạnh tranh và đúng quy định của pháp luật để lựa chọn được những người có trình độ chuyên môn theo yêu cầu, đáp ứng tiêu chuẩn vị trí việc làm cần tuyển dụng.

## **III. NGUYÊN TẮC TUYỂN DỤNG CÔNG CHỨC**

- Dân chủ, công khai, minh bạch, khách quan và đúng pháp luật;
- Đảm bảo tính cạnh tranh;
- Tuyển chọn đội ngũ công chức có trình độ, năng lực, nghiệp vụ, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ và vị trí việc làm.

## **IV. NHU CẦU TUYỂN DỤNG**

1. Tổng số nhu cầu tuyển dụng năm 2018 của các cơ quan, đơn vị, địa phương là 191 chỉ tiêu (có bảng tổng hợp nhu cầu cần tuyển kèm theo).

2. Ngoài các chỉ tiêu nêu trên, UBND tỉnh không thực hiện việc điều chỉnh, bổ sung nhu cầu tuyển dụng với bất cứ lý do nào.

## **V. HỒ SƠ DỰ TUYỂN**

1. Hồ sơ dự tuyển gồm: Đơn xin dự tuyển; Bản sơ yếu lý lịch tự thuật theo mẫu (tự viết) yêu cầu khai đầy đủ, rõ ràng, chính xác, trung thực, cụ thể từng nội dung quy định (không được để trống); có dán ảnh, đóng dấu giáp lai, có chứng nhận của UBND xã, phường, thị trấn nơi thường trú trong thời hạn 30 ngày, tính đến ngày nộp hồ sơ dự tuyển.

Đơn đăng ký dự tuyển công chức thực hiện theo mẫu quy định tại phụ lục số 1 Thông tư số 13/2010/TT-BNV ngày 30/12/2010 của Bộ Nội vụ; mẫu Bản sơ yếu lý lịch tự thuật do Sở Nội vụ hướng dẫn, đăng tải trên cổng thông tin điện tử của Sở Nội vụ tại địa chỉ <http://snv.gialai.gov.vn>; Thí sinh có thể liên hệ Sở Nội vụ để mua hồ sơ do Sở Nội vụ phát hành theo mẫu.

2. Bản sao các loại giấy tờ sau:

a) Bằng tốt nghiệp chuyên môn (hoặc giấy chứng nhận tốt nghiệp tạm thời đối với người tốt nghiệp năm 2018);

b) Học bạ hoặc bảng điểm;

Trường hợp bằng tốt nghiệp chuyên môn, học bạ hoặc bằng điểm do cơ sở đào tạo nước ngoài cấp thì phải được công chứng dịch thuật sang tiếng Việt và được kiểm định qua Cục Khảo thí và Kiểm định chất lượng giáo dục thuộc Bộ Giáo dục và Đào tạo.

c) Sổ hộ khẩu gia đình; Giấy khai sinh; Bằng tốt nghiệp THPT (trừ một số trường hợp tốt nghiệp trung học chuyên nghiệp theo quy định);

d) Các loại giấy tờ liên quan khác (giấy chứng nhận thương binh, bệnh binh, hưởng chính sách như thương binh; giấy xác nhận đang hưởng chính sách liệt sĩ, thương binh, bệnh binh, chứng chỉ tin học, ngoại ngữ,...) được cơ quan có thẩm quyền chứng thực;

Các loại giấy tờ nêu trên yêu cầu xuất trình bản chính để kiểm tra, đối chiếu trong quá trình nhận hồ sơ dự tuyển và khi trúng tuyển.

3. Giấy khám sức khỏe (bản chính) do cơ quan y tế có thẩm quyền cấp trong thời hạn 30 ngày, tính đến ngày nộp hồ sơ dự tuyển.

4. 02 (hai) ảnh 3x4 và 02 (hai) phong bì có dán tem, ghi rõ địa chỉ, số điện thoại của người dự tuyển.

5. Hồ sơ dự tuyển phải sạch sẽ, đầy đủ, không được tẩy xóa, đựng trong bì hồ sơ tuyển công chức có kích thước 250 x 340 x 5mm.

## **VI. ĐỐI TƯỢNG, ĐIỀU KIỆN, TIÊU CHUẨN ĐĂNG KÝ DỰ TUYỂN**

### **1. Đối tượng dự tuyển:**

Những người có nguyện vọng vào làm việc tại các cơ quan, đơn vị, địa phương thuộc tỉnh, có đủ điều kiện và tiêu chuẩn đăng ký dự tuyển theo quy định tại Khoản 2 Mục V Kế hoạch này.

### **2. Điều kiện và tiêu chuẩn đăng ký dự tuyển:**

Điều kiện đăng ký dự tuyển công chức thực hiện theo quy định tại Khoản 1 Điều 36 Luật Cán bộ, công chức, như sau:

a) Người có đủ các điều kiện, tiêu chuẩn sau đây không phân biệt dân tộc, nam nữ, thành phần xã hội, tín ngưỡng, tôn giáo được đăng ký dự tuyển công chức:

- Có một quốc tịch là quốc tịch Việt Nam;
- Đủ 18 tuổi trở lên;
- Có đơn dự tuyển; có lý lịch rõ ràng;
- Có văn bằng, chứng chỉ phù hợp;
- Có phẩm chất chính trị, đạo đức tốt;
- Đủ sức khỏe để thực hiện nhiệm vụ;
- Ngoài các điều kiện nêu trên, thí sinh đăng ký dự thi còn phải đáp ứng các tiêu chuẩn sau:

+ Về trình độ chuyên môn: Có bằng tốt nghiệp chuyên ngành đào tạo phù hợp với yêu cầu vị trí việc làm cần tuyển.

+ Về trình độ ngoại ngữ: Đối với vị trí dự tuyển ngạch chuyên viên và tương đương phải có chứng chỉ ngoại ngữ với trình độ tương đương bậc 2 (tương đương chứng chỉ B ngoại ngữ trở lên) khung năng lực ngoại ngữ Việt Nam theo quy định tại Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT ngày 24 tháng 01 năm 2014 của Bộ trưởng Giáo dục và Đào tạo ban hành khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam; Đối với vị trí dự tuyển ngạch cán sự và tương đương phải có chứng chỉ ngoại ngữ với trình độ tương đương bậc 1 (tương đương chứng chỉ A ngoại ngữ trở lên) khung năng lực ngoại ngữ Việt Nam theo quy định tại Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT ngày 24 tháng 01 năm 2014 của Bộ trưởng Giáo dục và Đào tạo ban hành khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam.

+ Về trình độ tin học: Có chứng chỉ tin học với trình độ đạt chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản theo quy định tại Thông tư số 03/2014/TT-BTTTT ngày 11/3/2014 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định Chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin (tương đương chứng chỉ tin học A trở lên) áp dụng cho các ngạch dự tuyển.

b) Những người sau đây không được đăng ký dự tuyển công chức:

- Không cư trú tại Việt Nam;

- Mất hoặc bị hạn chế năng lực hành vi dân sự;

- Đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự; đang chấp hành hoặc đã chấp hành xong bản án, quyết định về hình sự của Tòa án mà chưa được xóa án tích; đang bị áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở chữa bệnh, cơ sở giáo dục.

**3. Phương thức tuyển dụng:** Việc tuyển dụng công chức được thực hiện thông qua thi tuyển theo quy định tại Điều 37 Luật Cán bộ, công chức năm 2008.

#### **4. Ưu tiên trong tuyển dụng**

a) Anh hùng Lực lượng vũ trang, Anh hùng Lao động, thương binh, người hưởng chính sách như thương binh: được cộng 30 điểm vào tổng số điểm thi tuyển;

b) Người dân tộc thiểu số (Jrai và Bahnar có hộ khẩu thường trú tại tỉnh Gia Lai), sĩ quan quân đội, sĩ quan công an, quân nhân chuyên nghiệp, người làm công tác cơ yếu chuyển ngành, con liệt sĩ, con thương binh, con bệnh binh, con của người hưởng chính sách như thương binh, con của người hoạt động cách mạng trước tổng khởi nghĩa (từ ngày 19 tháng 8 năm 1945 trở về trước), con đẻ của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học, con Anh hùng Lực lượng vũ trang, con Anh hùng Lao động: được cộng 20 điểm vào tổng số điểm thi tuyển;

c) Người hoàn thành nghĩa vụ quân sự, nghĩa vụ phục vụ có thời hạn trong lực lượng công an nhân dân, đội viên thanh niên xung phong, đội viên trí thức trẻ tình nguyện tham gia phát triển nông thôn, miền núi từ đủ 24 tháng trở lên đã hoàn thành nhiệm vụ: được cộng 10 điểm vào tổng số điểm thi tuyển.

Trường hợp người dự thi tuyển công chức thuộc nhiều diện ưu tiên quy định tại Khoản 4 Điều này thì chỉ được cộng điểm ưu tiên cao nhất vào kết quả thi tuyển tại Điểm 3.3 Khoản 3 mục VII Kế hoạch này.

## **VII. CÁC MÔN THI, CÁCH THỨC THI TUYỂN CÔNG CHỨC**

### **1. Môn thi, hình thức, nội dung thi và thời gian làm bài**

a) Môn kiến thức chung: thi viết thời gian 180 phút đối với ngạch chuyên viên; 120 phút đối với ngạch cán sự hoặc tương đương;

b) Môn nghiệp vụ chuyên ngành, gồm 02 bài:

- Bài thi viết: thời gian 180 phút đối với ngạch chuyên viên; 120 phút đối với ngạch cán sự và tương đương;

- Bài thi trắc nghiệm: thời gian 45 phút đối với ngạch chuyên viên; 30 phút đối với ngạch cán sự và tương đương.

c) Môn ngoại ngữ tiếng Anh, bằng hình thức thi viết (môn thi để tính điểm điều kiện): thời gian 90 phút đối với ngạch chuyên viên; 60 phút đối với ngạch cán sự và tương đương.

d) Môn tin học văn phòng (môn thi để tính điểm điều kiện): thi trắc nghiệm, thời gian 45 phút đối với ngạch chuyên viên; 30 phút đối với ngạch cán sự và tương đương.

### **2. Điều kiện miễn thi một số môn:**

Người đăng ký dự tuyển công chức được miễn thi một số môn trong kỳ thi tuyển công chức năm 2018 như sau:

a) Miễn thi môn ngoại ngữ trong trường hợp môn nghiệp vụ chuyên ngành không phải là ngoại ngữ nếu có một trong các điều kiện sau:

- Có bằng tốt nghiệp đại học, sau đại học về ngoại ngữ;

- Có bằng tốt nghiệp đại học, sau đại học ở nước ngoài hoặc tốt nghiệp đại học, sau đại học tại cơ sở đào tạo bằng tiếng nước ngoài ở Việt Nam.

b) Miễn thi môn tin học văn phòng trong trường hợp có bằng tốt nghiệp từ trung cấp chuyên ngành công nghệ thông tin trở lên.

### **3. Cách tính điểm**

3.1. Bài thi được chấm theo thang điểm 100 cho mỗi bài thi.

3.2. Điểm các môn thi được tính như sau:

a) Môn kiến thức chung: tính hệ số  $1 \times 100$ ;

b) Môn nghiệp vụ chuyên ngành: bài thi viết tính hệ số  $2 \times 100$ ; bài thi trắc nghiệm tính hệ số  $1 \times 100$ ;

c) Môn ngoại ngữ, môn tin học văn phòng: không tính vào tổng số điểm thi.

3.3. Kết quả thi tuyển = (điểm bài thi môn kiến thức chung x hệ số  $1 \times 100$ ) + (điểm bài thi viết môn nghiệp vụ chuyên ngành x hệ số  $2 \times 100$ ) + (điểm bài thi trắc

nghiệm môn nghiệp vụ chuyên ngành x hệ số 1 x 100) + điểm ưu theo quy định tại Khoản 4 Mục V Kế hoạch này (nếu có).

#### **4. Xác định người trúng tuyển trong kỳ thi tuyển công chức**

##### **4.1. Điều kiện và nguyên tắc chung:**

a) Người trúng tuyển trong kỳ thi tuyển công chức phải tham dự đủ các bài thi nêu tại Khoản 1 và Khoản 2 Mục VII Kế hoạch này, mỗi bài thi đạt từ 50 điểm trở lên và được xác định theo nguyên tắc: Người trúng tuyển có kết quả thi cao hơn, lấy theo thứ tự từ cao xuống thấp cho đến hết chỉ tiêu tuyển dụng của từng vị trí việc làm.

b) Trường hợp có từ 02 người trở lên có kết quả thi tuyển bằng nhau ở vị trí cần tuyển dụng, người có điểm bài thi viết môn nghiệp vụ chuyên ngành cao hơn là người trúng tuyển; nếu điểm bài thi viết môn nghiệp vụ chuyên ngành bằng nhau thì người có điểm bài thi trắc nghiệm môn nghiệp vụ chuyên ngành cao hơn là người trúng tuyển; nếu vẫn không xác định được người trúng tuyển thì người đứng đầu cơ quan có thẩm quyền tuyển dụng công chức quyết định người trúng tuyển.

c) Trường hợp người trúng tuyển bị hủy bỏ kết quả trúng tuyển theo quy định tại Khoản 5 Điều 1 Thông tư số 03/2015/TT-BNV ngày 10/3/2015 của Bộ Nội vụ thì người đứng đầu cơ quan có thẩm quyền tuyển dụng công chức quyết định tuyển dụng người có kết quả tuyển dụng thấp hơn liền kề ở vị trí tuyển dụng đó, nếu người đó bảo đảm phải đảm bảo điều kiện và nguyên tắc quy định tại điểm 4.1 Khoản này.

Trường hợp có từ 02 người trở lên có kết quả tuyển dụng thấp hơn liền kề bằng nhau thì người đứng đầu cơ quan có thẩm quyền tuyển dụng công chức quyết định người trúng tuyển phải đảm bảo điều kiện và nguyên tắc quy định tại Điểm 4.1 Khoản này.

**4.2. Xác định người trúng tuyển:** Việc xác định phải đảm bảo điều kiện và nguyên tắc chung nêu tại điểm 4.1 Khoản này và xác định thứ tự trúng tuyển theo từng đối tượng như sau:

a) Người đã tốt nghiệp hệ cử tuyển đúng với chuyên ngành tại vị trí việc làm cần tuyển (theo quy định tại Nghị định số 134/2006/NĐ-CP ngày 14/11/2006 của Chính phủ và Thông tư liên tịch số 13/2008/TTLT-BGD&ĐT-BLĐTB&XH-BTC-BNV-UBND của Bộ Giáo dục và Đào tạo - Bộ Lao động Thương binh và Xã hội, Bộ Tài chính - Bộ Nội vụ, Ủy ban Dân tộc) nhưng do địa phương cử đi học không có chỉ tiêu và không bố trí được việc làm được dự tuyển vào cơ quan, đơn vị, địa phương khác.

b) Người trúng tuyển có kết quả điểm thi cao hơn, lấy theo thứ tự từ cao xuống thấp cho đến hết chỉ tiêu tuyển dụng của từng vị trí việc làm.

**4.3. Người không trúng tuyển trong kỳ thi tuyển công chức không được bảo lưu kết quả thi tuyển cho các kỳ thi tuyển lần sau.**

## **VIII. NỘP HỒ SƠ, THỜI GIAN NHẬN HỒ SƠ, LỆ PHÍ DỰ TUYỂN**

### **1. Nộp hồ sơ dự tuyển:**

a) Mỗi người dự tuyển chỉ được nộp một hồ sơ vào một nơi đăng ký dự tuyển. Nếu một người nộp hồ sơ ở hai nơi đăng ký dự tuyển trở lên thì sẽ bị loại khỏi danh sách dự tuyển;

b) Người dự tuyển vào các sở, ban, ngành; đơn vị thuộc sở, ban ngành nào phải ghi rõ tên đơn vị dự tuyển và nộp hồ sơ tại Văn phòng (hoặc phòng Tổ chức cán bộ) thuộc sở, ban, ngành đó. Giám đốc sở, thủ trưởng ban, ngành chịu trách nhiệm về tính đầy đủ, đúng đắn của hồ sơ;

c) Người dự tuyển vào các đơn vị thuộc UBND huyện, thị xã, thành phố nào thì nộp hồ sơ tại Phòng Nội vụ huyện, thị xã, thành phố đó. Chủ tịch UBND cấp huyện chịu trách nhiệm về tính đầy đủ, đúng đắn của hồ sơ;

d) Người dự tuyển phải trực tiếp nộp hồ sơ (không nhờ người khác nộp thay). Khi đi nộp hồ sơ, người dự tuyển phải xuất trình bản chính các loại giấy tờ quy định tại Khoản 2 Mục IV Kế hoạch này để người nhận hồ sơ dự tuyển kiểm tra, đối chiếu và phải ký xác nhận các thông tin cá nhân trong danh sách đăng ký dự tuyển cùng với người nhận hồ sơ dự tuyển; người nhận hồ sơ dự tuyển phải có giấy nhận hồ sơ trao cho người dự tuyển có đóng dấu treo của cơ quan tiếp nhận hồ sơ.

đ) Người dự tuyển đã thực hiện đầy đủ các điều kiện và có đầy đủ hồ sơ thì nơi nhận hồ sơ không được từ chối tiếp nhận hồ sơ;

Người dự tuyển có hồ sơ đủ điều kiện theo quy định mà cơ quan tiếp nhận hồ sơ từ chối tiếp nhận nhưng không có lý do chính đáng thì người dự tuyển có thể phản ánh về Sở Nội vụ, tại địa chỉ: 03 Hai Bà Trưng, TP.Pleiku, Gia Lai (số điện thoại 059 3717412 - Thanh tra Sở, hoặc số 059 3823061 - Phòng Công chức Viên chức).

2. Thời gian nhận hồ sơ: Giao cho Sở Nội vụ thông báo cụ thể trên các phương tiện thông tin đại chúng và niêm yết công khai tại trụ sở của Sở, ban ngành tỉnh, UBND các huyện, thị xã, thành phố, Website của Sở Nội vụ tại địa chỉ <http://snv.gialai.gov.vn> và website của các cơ quan, địa phương có nhu cầu tuyển dụng.

### **3. Lệ phí dự tuyển:**

a) Mức thu phí của người dự tuyển để phục vụ công tác thi tuyển: Thực hiện theo quy định tại Thông tư số 228/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí tuyển dụng, dự thi nâng ngạch, thăng hạng công chức, viên chức. Mức thu phí dự tuyển của mỗi thí sinh sẽ do Sở Nội vụ thông báo.

b) Trong trường hợp thu lệ phí của người dự tuyển phục vụ cho công tác thi tuyển không đủ, Sở Nội vụ có trách nhiệm chủ trì phối hợp với Sở Tài chính lập dự toán kinh phí bổ sung trình UBND tỉnh xem xét, quyết định bổ sung để phục vụ cho công tác thi tuyển.

## **IX. THỜI GIAN, ĐỊA ĐIỂM TỔ CHỨC THI TUYỂN; TÀI LIỆU ÔN THI**

1. Thời gian thi, địa điểm tổ chức thi, tài liệu ôn thi: Do Hội đồng thi tuyển công chức của tỉnh quyết định và thông báo trên các phương tiện thông tin đại chúng, niêm yết công khai tại trụ sở Sở Nội vụ và đồng thời đăng trên website của các cơ quan, địa phương để mọi cá nhân có liên quan được biết và thực hiện (có thông báo cụ thể sau).

2. Thời gian tổ chức thi: Sở Nội vụ là cơ quan thường trực của Hội đồng thi tuyển công chức của tỉnh thông báo cụ thể.

## **X. TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

### **1. Hội đồng thi tuyển công chức của tỉnh (gọi chung là Hội đồng thi)**

a) Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định thành lập Hội đồng thi tuyển công chức của tỉnh.

b) Hội đồng thi tuyển công chức của tỉnh có trách nhiệm giúp Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện công tác tuyển dụng công chức vào làm việc tại các cơ quan, đơn vị bảo đảm theo kế hoạch và đúng quy định của pháp luật; tổng hợp kết quả thi tuyển, báo cáo UBND tỉnh quyết định phê duyệt.

c) Hội đồng thi tuyển công chức của tỉnh thành lập các bộ phận giúp việc gồm: Ban đề thi, Ban chấm thi, Ban coi thi, Ban phách, Ban phúc khảo; xây dựng quy chế thi tuyển theo đúng quy định.

### **2. Sở Nội vụ có trách nhiệm**

a) Tham mưu, trình Chủ tịch UBND tỉnh quyết định thành lập Hội đồng thi tuyển công chức của tỉnh, Ban giám sát kỳ thi tuyển công chức; trình Chủ tịch Hội đồng thi tuyển công chức của tỉnh quyết định thành lập các Ban giúp việc theo quy định.

b) Là cơ quan thường trực của Hội đồng thi tuyển công chức của tỉnh; tham mưu cho Hội đồng thi của tỉnh tổ chức thực hiện thi tuyển công chức năm 2018 theo đúng Kế hoạch.

c) Phối hợp với Sở Giáo dục và Đào tạo và các cơ quan, đơn vị có liên quan chuẩn bị cơ sở vật chất, các điều kiện cần thiết khác để tổ chức tốt kỳ thi tuyển công chức và thực hiện các nhiệm vụ khác (nếu có).

d) Phát hành hồ sơ tuyển dụng công chức theo quy định;

đ) Tổng hợp kết quả thi tuyển để Hội đồng thi báo cáo Chủ tịch UBND tỉnh quyết định công nhận kết quả kỳ thi; Thông báo kết quả tuyển dụng đối với người trúng tuyển cho các cơ quan, đơn vị sử dụng công chức sau khi có quyết định công nhận kết quả thi tuyển của Ủy ban nhân dân tỉnh;

e) Giải quyết và tham mưu giải quyết các khiếu nại, tố cáo về công tác thi tuyển theo thẩm quyền;

f) Trường hợp kinh phí không đủ chi, Sở Nội vụ có trách nhiệm chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính tổng hợp, báo cáo trình UBND tỉnh cấp bổ sung kinh phí theo quy định;

g) Chủ trì, phối hợp với Sở Giáo dục và Đào tạo và các đơn vị, địa phương liên quan kiểm soát chặt chẽ danh sách người đã tốt nghiệp hệ cử tuyển để đảm bảo việc người dự tuyển đăng ký dự tuyển vào cơ quan, đơn vị, địa phương khác (không phải là nơi cử đi học) đúng quy định.

### **3. Sở Giáo dục và Đào tạo:**

Chuẩn bị cơ sở vật chất khi Hội đồng thi yêu cầu; cử người phối hợp xây dựng danh mục tài liệu, xây dựng dữ liệu đề thi, đáp án; cử người tham gia Ban đề thi tuyển công chức và tổ chức nhân đề thi, tham gia Ban phách theo đúng kế hoạch và đúng quy định của pháp luật; các nhiệm vụ khác (nếu có) theo yêu cầu của Hội đồng thi.

### **4. Giám đốc các sở, ban, ngành tỉnh, Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố có trách nhiệm:**

a) Chỉ đạo niêm yết công khai Kế hoạch này tại trụ sở làm việc (nơi thuận tiện) và đăng trên website của cơ quan, đơn vị, địa phương có nhu cầu tuyển dụng để thí sinh và nhân dân biết, thực hiện giám sát.

b) Thông báo công khai tại trụ sở của các Sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân huyện, thị xã, thành phố về chỉ tiêu, điều kiện, tiêu chuẩn dự tuyển; nội dung, hình thức thi tuyển; thời gian, địa điểm nhận hồ sơ dự tuyển theo quy định.

c) Cử công chức (có danh sách, thời gian trực cụ thể) tham gia tiếp nhận hồ sơ, thu lệ phí dự tuyển theo thông báo của Hội đồng thi tuyển; tổng hợp danh sách dự tuyển, nộp lệ phí dự tuyển về Hội đồng thi tuyển công chức của tỉnh (qua Sở Nội vụ) theo quy định.

d) Tiếp nhận hồ sơ của người dự tuyển đảm bảo đúng điều kiện, tiêu chuẩn dự tuyển theo quy định. Tập hợp hồ sơ của các thí sinh đủ điều kiện, tiêu chuẩn đăng ký dự tuyển tại sở, ban, ngành, huyện, thị xã, thành phố và ghi thành tệp tin (file Excel) dữ liệu tổng hợp danh sách thí sinh đủ điều kiện dự tuyển gửi về Hội đồng thi (qua Sở Nội vụ);

đ) Thông báo kết quả thi tuyển cho thí sinh và quyết định tuyển dụng sau khi có quyết định công nhận kết quả thi tuyển của Ủy ban nhân dân tỉnh theo thông báo của Sở Nội vụ;

e) Hướng dẫn người trúng tuyển hoàn thiện hồ sơ tuyển dụng; phân công công tác, phân công hướng dẫn tập sự theo đúng vị trí tuyển dụng; bổ nhiệm ngạch và thực hiện các chế độ chính sách đối với công chức theo quy định.

f) Giải quyết và tham mưu giải quyết các khiếu nại, tố cáo về công tác thi tuyển theo thẩm quyền.

g) Thực hiện các nội dung khác có liên quan theo sự phân công của UBND tỉnh, Hội đồng thi tuyển công chức của tỉnh.

## **5. Sở Tài chính:**

a) Có trách nhiệm chủ trì, phối hợp với Sở Nội vụ trong việc hướng dẫn việc thực hiện thu - chi phí, lệ phí dự tuyển kịp thời, đúng quy định, đảm bảo phục vụ tốt cho công tác tuyển dụng.

b) Trường hợp kinh phí không đủ chi, Sở Tài chính có trách nhiệm phối hợp với Sở Nội vụ tổng hợp, báo cáo trình UBND tỉnh cấp bổ sung kinh phí theo quy định.

c) Thực hiện các nội dung khác có liên quan theo sự phân công của UBND tỉnh, Hội đồng thi tuyển công của tỉnh.

**6. Công an tỉnh:** Có trách nhiệm phối hợp bảo đảm an ninh, trật tự cho kỳ thi tuyển công chức diễn ra an toàn và trật tự giao thông được đảm bảo.

**7. Sở Y tế:** Có trách nhiệm xây dựng và thực hiện kế hoạch công tác y tế phục vụ Hội đồng thi tuyển công chức của tỉnh, các bộ phận phục vụ Hội đồng thi tuyển công chức của tỉnh và các thí sinh tham dự kỳ thi tuyển công chức.

**8. Trường Chính trị tỉnh, Trung tâm tin học - Ngoại ngữ thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo:**

Phối hợp với Sở Nội vụ chuẩn bị tài liệu, nội dung ôn tập và tổ chức ôn thi theo đúng Kế hoạch và các nhiệm vụ khác (nếu có) theo yêu cầu của Hội đồng thi tuyển công chức của tỉnh.

**9. Báo Gia Lai, Đài Phát thanh - Truyền hình tỉnh và Đài Truyền thanh - Truyền hình cấp huyện có trách nhiệm:** Đăng tin, đưa tin Kế hoạch này và các nội dung có liên quan đến công tác tuyển dụng theo yêu cầu của Hội đồng thi tuyển công chức của tỉnh trên báo, đài theo quy định.

Trên đây là Kế hoạch thi tuyển công chức của tỉnh Gia Lai năm 2018, UBND tỉnh yêu cầu Thủ trưởng các sở, ban, ngành tỉnh, UBND các huyện, thị xã, thành phố và cơ quan có liên quan nghiêm túc triển khai thực hiện, đảm bảo đúng quy định của pháp luật. Trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc kịp thời phản ánh về Ủy ban nhân dân tỉnh (qua Sở Nội vụ tổng hợp, đề xuất) để xem xét, giải quyết. /

### **Nơi nhận:**

- TT Tỉnh ủy (để báo cáo);
- TT HĐND tỉnh (để biết);
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Ban Tổ chức Tỉnh ủy;
- Sở Nội vụ;
- Các sở, ban, ngành tỉnh có liên quan;
- UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Báo Gia Lai, Đài PT-TH tỉnh (đưa tin);
- Điện lực Gia Lai;
- Công an tỉnh;
- Đăng website UBND tỉnh, Sở Nội vụ;
- Lưu: VT, TTTH, NC.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH**



**Võ Ngọc Thành**

# NHU CẦU TUYỂN DỤNG CÔNG CHỨC NĂM 2018

Đơn vị: Các cơ quan hành chính thuộc tỉnh Gia Lai

Kèm theo Kế hoạch số: 1089 /KH-UBND ngày 20 tháng 9 năm 2018 của UBND tỉnh Gia Lai



| STT      | Đơn vị tuyển dụng                     | Tên vị trí việc làm cần tuyển dụng và mô tả công việc chính    | Yêu cầu trình độ chuyên môn |                                                 | Số lượng cần tuyển | Tuyển dụng vào ngạch                 | Mã ngạch                   | G |
|----------|---------------------------------------|----------------------------------------------------------------|-----------------------------|-------------------------------------------------|--------------------|--------------------------------------|----------------------------|---|
|          |                                       |                                                                | Trình độ                    | Các chuyên ngành được nộp hồ sơ                 |                    |                                      |                            |   |
| 1        | 2                                     | 3                                                              | 4                           | 5                                               | 6                  | 7                                    | 8                          |   |
|          | <b>TỔNG CỘNG</b>                      |                                                                |                             |                                                 | <b>191</b>         |                                      |                            |   |
| <b>A</b> | <b>KHỐI SỞ, BAN NGÀNH</b>             |                                                                |                             |                                                 | <b>98</b>          |                                      |                            |   |
| <b>1</b> | <b>Văn phòng HĐND tỉnh</b>            |                                                                |                             |                                                 | <b>2</b>           |                                      |                            |   |
|          | Phòng Tổng hợp                        | Theo dõi công tác kinh tế - ngân sách                          | Đại học trở lên             | Chuyên ngành Sinh - môi trường                  | 1                  | Chuyên viên                          | 01.003                     |   |
|          |                                       | Theo dõi công tác pháp chế:                                    | Đại học trở lên             | Chuyên ngành luật hình sự                       | 1                  | Chuyên viên                          | 01.003                     |   |
| <b>2</b> | <b>Sở Văn hóa thể thao và du lịch</b> |                                                                |                             |                                                 | <b>1</b>           |                                      |                            |   |
|          | Phòng Kế hoạch Tài chính              | Quản lý kế hoạch - tài chính (Quản lý kế toán tài chính ngành) | Đại học trở lên             | Kế toán; Kế toán kiểm toán; Tài chính ngân hàng | 1                  | Chuyên viên                          | 01.003                     |   |
| <b>3</b> | <b>Sở Tài chính</b>                   |                                                                |                             |                                                 | <b>11</b>          |                                      |                            |   |
|          | Văn phòng Sở                          | Hành chính một cửa                                             | Đại học trở lên             | Kế toán                                         | 1                  | Chuyên viên                          | 01.003                     |   |
|          |                                       | Công tác văn thư                                               | Trung cấp trở lên           | Văn thư                                         | 1                  | Nhân viên;<br>Cán sự;<br>Chuyên viên | 01.005<br>01.004<br>01.003 |   |

| T                                      | <br>Đơn vị tuyển dụng | Tên vị trí việc làm cần tuyển dụng<br>và mô tả công việc chính | Yêu cầu trình độ chuyên môn |                                                                           | Số<br>lượng<br>cần<br>tuyển | Tuyển dụng<br>vào ngạch | Mã<br>ngạch | Ghi chú |
|----------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------|-----------------------------|---------------------------------------------------------------------------|-----------------------------|-------------------------|-------------|---------|
|                                        |                                                                                                        |                                                                | Trình độ                    | Các chuyên ngành<br>được nộp hồ sơ                                        |                             |                         |             |         |
|                                        |                                                                                                        | 3                                                              | 4                           | 5                                                                         | 6                           | 7                       | 8           | 9       |
|                                        | Phòng Thanh tra                                                                                        | Thanh tra về xây dựng cơ bản.                                  | Đại học trở lên             | Chuyên ngành dân dụng<br>và công nghiệp                                   | 1                           | Chuyên viên             | 01.003      |         |
|                                        |                                                                                                        | Thanh tra tài chính                                            | Đại học trở lên             | Tài chính - Ngân hàng;<br>Kế toán; Kế toán -<br>Kiểm toán                 | 1                           | Chuyên viên             | 01.003      |         |
|                                        | Phòng Tài chính doanh nghiệp                                                                           | Quản lý tài chính doanh nghiệp                                 | Đại học trở lên             | Tài chính - Ngân hàng                                                     | 1                           | Chuyên viên             | 01.003      |         |
|                                        | Phòng Quản lý giá và công sản                                                                          | Quản lý công sản và thẩm định giá                              | Đại học trở lên             | Tài chính - ngân hàng;<br>kế toán; thẩm định giá                          | 3                           | Chuyên viên             | 01.003      |         |
|                                        | Phòng Quản lý ngân sách                                                                                | Quản lý ngân sách                                              | Đại học trở lên             | Tài chính - ngân hàng;<br>kế toán -kiểm toán                              | 2                           | Chuyên viên             | 01.003      |         |
|                                        | Phòng Tin học                                                                                          | Công nghệ thông tin                                            | Đại học trở lên             | Tin học; Công nghệ<br>thông tin                                           | 1                           | Chuyên viên             | 01.003      |         |
| Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn |                                                                                                        |                                                                |                             |                                                                           | 37                          |                         |             |         |
| Cơ quan Sở Nông nghiệp và PTNT         |                                                                                                        |                                                                |                             |                                                                           | 5                           |                         |             |         |
|                                        | Văn phòng                                                                                              | Hành chính một cửa                                             | Đại học trở lên             | Hành chính công; Quản<br>trị văn phòng; Công<br>nghệ thông tin            | 1                           | Chuyên viên             | 01.003      |         |
|                                        | Thanh tra Sở                                                                                           | Thanh tra                                                      | Đại học trở lên             | Kế toán; Kiểm toán; Kỹ<br>thuật công trình xây<br>dựng; Kỹ thuật xây dựng | 1                           | Chuyên viên             | 01.003      |         |

| STT | Đơn vị tuyển dụng                                                                                               | Tên vị trí việc làm cần tuyển dụng và mô tả công việc chính                                                                   | Yêu cầu trình độ chuyên môn |                                                                                     | Số lượng cần tuyển | Tuyển dụng vào ngạch | Mã ngạch | G |
|-----|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------|--------------------|----------------------|----------|---|
|     |                                                                                                                 |                                                                                                                               | Trình độ                    | Các chuyên ngành được nộp hồ sơ                                                     |                    |                      |          |   |
| 1   | <br>Phòng Kế hoạch - Tài chính | 3                                                                                                                             | 4                           | 5                                                                                   | 6                  | 7                    | 8        |   |
|     |                                                                                                                 | Quản lý Tài chính - Kế toán                                                                                                   | Đại học trở lên             | Quản lý tài chính công; Tài chính; Kế toán                                          | 1                  | Chuyên viên          | 01.003   |   |
|     |                                                                                                                 | Quản lý Quy hoạch - Kế hoạch                                                                                                  | Đại học trở lên             | Kinh tế; Kinh tế Nông lâm; Nông nghiệp                                              | 1                  | Chuyên viên          | 01.003   |   |
|     | Phòng Tổ chức Cán bộ                                                                                            | Quản lý Nhân sự và đội ngũ                                                                                                    | Đại học trở lên             | Quản trị nhân lực; Hành chính công                                                  | 1                  | Chuyên viên          | 01.003   |   |
| 4.2 | Chi cục Thủy Lợi                                                                                                |                                                                                                                               |                             |                                                                                     | 4                  |                      |          |   |
|     | Văn phòng Phòng chống thiên tai và TKCN                                                                         | Quản lý lĩnh vực phòng chống thiên tai                                                                                        | Đại học trở lên             | Thủy lợi; Kỹ thuật công trình xây dựng; Kỹ thuật xây dựng; Kỹ thuật tài nguyên nước | 4                  | Chuyên viên          | 01.003   |   |
| 4.3 | Chi cục Kiểm lâm                                                                                                |                                                                                                                               |                             |                                                                                     | 27                 |                      |          |   |
|     | Văn phòng Chi cục Kiểm lâm                                                                                      | Phòng Sử dụng Phát triển rừng                                                                                                 | Đại học trở lên             | Lâm nghiệp; Lâm sinh; Quản lý tài nguyên rừng                                       | 1                  | Kiểm lâm viên        | 10.226   |   |
|     | Hạt Kiểm lâm các huyện                                                                                          | Kiểm lâm địa bàn (các huyện Kbang, Mang Yang, Kông Chro, Ia Pa, Đak Pơ, Đak Đoa, Chư Pưh, Phú Thiện, Ayun Pa, An Khê, Đức Cơ) | Đại học trở lên             | Lâm nghiệp; Lâm sinh; Quản lý tài nguyên rừng                                       | 19                 | Kiểm lâm viên        | 10.226   |   |
|     |                                                                                                                 | Kế toán (Văn phòng Chi cục, các huyện: Đak Pơ, Đak Đoa, Phú Thiện, Chư Pưh, Chư Sê)                                           | Đại học trở lên             | Kế toán                                                                             | 7                  | Kế toán viên         | 06.031   |   |

| Đơn vị tuyển dụng                                                                                                   | Tên vị trí việc làm cần tuyển dụng<br>và mô tả công việc chính | Yêu cầu trình độ chuyên môn |                                              | Số<br>lượng<br>cần<br>tuyển | Tuyển dụng<br>vào ngạch | Mã<br>ngạch | Ghi chú |
|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------|-----------------------------|----------------------------------------------|-----------------------------|-------------------------|-------------|---------|
|                                                                                                                     |                                                                | Trình độ                    | Các chuyên ngành<br>được nộp hồ sơ           |                             |                         |             |         |
|                                                                                                                     | 3                                                              | 4                           | 5                                            | 6                           | 7                       | 8           | 9       |
|  <b>Chi cục Chăn nuôi và Thú y</b> |                                                                |                             |                                              | 1                           |                         |             |         |
| Phòng Quản lý dịch bệnh                                                                                             | Quản lý dịch bệnh                                              | Đại học trở lên             | Chăn nuôi thú y hoặc<br>Bác sĩ thú y         | 1                           | Chuyên viên             | 01.003      |         |
| <b>Sở Giao thông vận tải</b>                                                                                        |                                                                |                             |                                              | 3                           |                         |             |         |
| Văn phòng Sở                                                                                                        | Văn thư - Lưu trữ                                              | Đại học trở lên             | Văn thư-<br>lưu trữ                          | 1                           | Chuyên viên             | 01.003      |         |
| Thanh tra sở                                                                                                        | Thanh tra viên.                                                | Đại học trở lên             | Xây dựng<br>cầu đường; Cơ khí                | 1                           | Chuyên viên             | 01.003      |         |
|                                                                                                                     | Kế toán.                                                       | Đại học trở lên             | Tài chính - Kế toán; Kế<br>toán - kiểm toán. | 1                           | Kế toán viên            | 06.031      |         |
| <b>Sở Công thương</b>                                                                                               |                                                                |                             |                                              | 4                           |                         |             |         |
|                                                                                                                     | Công nghệ thông tin                                            | Đại học trở lên             | Công nghệ thông tin                          | 1                           | Chuyên viên             | 01.003      |         |
|                                                                                                                     | Quản lý về năng lượng                                          | Đại học trở lên             | Kỹ thuật Tài nguyên<br>nước                  | 1                           | Chuyên viên             | 01.003      |         |
|                                                                                                                     | Hành chính một cửa                                             | Đại học trở lên             | Công nghệ thông tin                          | 1                           | Chuyên viên             | 01.003      |         |
|                                                                                                                     | Văn thư - Lưu trữ                                              | Đại học trở lên             | Văn thư - Lưu trữ                            | 1                           | Chuyên viên             | 01.003      |         |

| STT | Đơn vị tuyển dụng                               | Tên vị trí việc làm cần tuyển dụng và mô tả công việc chính    | Yêu cầu trình độ chuyên môn |                                  | Số lượng cần tuyển | Tuyển dụng vào ngạch | Mã ngạch |
|-----|-------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------|-----------------------------|----------------------------------|--------------------|----------------------|----------|
|     |                                                 |                                                                | Trình độ                    | Các chuyên ngành được nộp hồ sơ  |                    |                      |          |
|     |                                                 |                                                                |                             |                                  |                    |                      |          |
|     |                                                 |                                                                |                             |                                  | 6                  |                      |          |
|     |                                                 |                                                                |                             |                                  | 6                  |                      |          |
|     | Văn phòng                                       | Công nghệ thông tin                                            | Đại học trở lên             | Công nghệ thông tin              | 1                  | Chuyên viên          | 01.003   |
|     |                                                 | Hành chính tổng hợp                                            | Đại học trở lên             | Luật                             | 1                  | Chuyên viên          | 01.003   |
|     | Phòng Nghiệp vụ 2                               | Thanh tra; Thanh tra giải quyết khiếu nại, tố cáo              | Đại học trở lên             | Tài chính - ngân hàng            | 1                  | Chuyên viên          | 01.003   |
|     | Phòng Phòng, chống tham nhũng                   | Thanh tra Phòng, chống tham nhũng                              | Đại học trở lên             | Tài chính - kế toán              | 2                  | Chuyên viên          | 01.003   |
|     | Phòng Giám sát, kiểm tra và xử lý sau thanh tra | Giám sát, kiểm tra và xử lý sau thanh tra                      | Đại học trở lên             | Luật                             | 1                  | Chuyên viên          | 01.003   |
| 8   | Sở Thông tin và Truyền thông                    |                                                                |                             |                                  | 1                  |                      |          |
|     | Sở Thông tin và Truyền thông                    | Chuyên quản công nghệ thông tin                                | Đại học trở lên             | Công nghệ thông tin; Tin học     | 1                  | Chuyên viên          | 01.003   |
| 9   | Sở Xây dựng                                     |                                                                |                             |                                  | 4                  |                      |          |
|     | Thanh tra                                       | Thanh tra                                                      | Đại học trở lên             | Xây dựng Dân dụng và công nghiệp | 2                  | Chuyên viên          | 01.003   |
|     | Phòng Quản lý quy hoạch, kiến trúc đô thị       | Quản lý kiến trúc - quy hoạch: thẩm định hồ sơ đồ án quy hoạch | Đại học trở lên             | Kiến trúc sư Quy hoạch           | 1                  | Chuyên viên          | 01.003   |

| Đơn vị tuyển dụng                            | Tên vị trí việc làm cần tuyển dụng và mô tả công việc chính | Yêu cầu trình độ chuyên môn |                                                                        | Số lượng cần tuyển | Tuyển dụng vào ngạch                 | Mã ngạch                   | Ghi chú |
|----------------------------------------------|-------------------------------------------------------------|-----------------------------|------------------------------------------------------------------------|--------------------|--------------------------------------|----------------------------|---------|
|                                              |                                                             | Trình độ                    | Các chuyên ngành được nộp hồ sơ                                        |                    |                                      |                            |         |
| 2                                            | 3                                                           | 4                           | 5                                                                      | 6                  | 7                                    | 8                          | 9       |
| Phòng Quản lý chất lượng                     | Quản lý chất lượng công trình                               | Đại học trở lên             | Xây dựng cầu đường                                                     | 1                  | Chuyên viên                          | 01.003                     |         |
| Sở Tư pháp                                   |                                                             |                             |                                                                        | 1                  |                                      |                            |         |
| Văn phòng                                    | Công nghệ thông tin                                         | Đại học trở lên             | Các chuyên ngành Công nghệ thông tin                                   | 1                  | Chuyên viên                          | 01.003                     |         |
| Sở Ngoại vụ                                  |                                                             |                             |                                                                        | 4                  |                                      |                            |         |
|                                              | Biên dịch tiếng Campuchia                                   | Đại học trở lên             | Ngôn ngữ tiếng Khơ me                                                  | 1                  | Chuyên viên                          | 01.003                     |         |
|                                              | Công nghệ thông tin                                         | Đại học trở lên             | Công nghệ thông tin                                                    | 1                  | Chuyên viên                          | 01.003                     |         |
|                                              | Biên phiên dịch tiếng Lào                                   | Đại học trở lên             | Ngôn ngữ văn chương Lào                                                | 1                  | Chuyên viên                          | 01.003                     |         |
|                                              | Văn thư - Lưu trữ                                           | Cao đẳng trở lên            | Văn thư hành chính, Quản trị văn phòng                                 | 1                  | Cán sự                               | 01.004<br>01.003           |         |
| Sở Giáo dục và Đào tạo                       |                                                             |                             |                                                                        | 1                  |                                      |                            |         |
| Văn phòng                                    | Văn thư lưu trữ                                             | Trung cấp trở lên           | Văn thư- lưu trữ                                                       | 1                  | Nhân viên;<br>Cán sự;<br>Chuyên viên | 01.005<br>01.004<br>01.003 |         |
| Sở Nội vụ                                    |                                                             |                             |                                                                        | 3                  |                                      |                            |         |
| Phòng Tổ chức biên chế-Tổ chức phi Chính phủ | Thực hiện công tác Quản lý biên chế và Vị trí việc làm      | Đại học trở lên             | Kinh tế chuyên ngành quản lý nguồn nhân lực; Luật; Kinh tế phát triển. | 1                  | Chuyên viên                          | 01.003                     |         |

| STT  | Đơn vị tuyển dụng            | Tên vị trí việc làm cần tuyển dụng và mô tả công việc chính                  | Yêu cầu trình độ chuyên môn |                                               | Số lượng cần tuyển | Tuyển dụng vào ngạch                  | Mã ngạch                   |
|------|------------------------------|------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------|-----------------------------------------------|--------------------|---------------------------------------|----------------------------|
|      |                              |                                                                              | Trình độ                    | Các chuyên ngành được nộp hồ sơ               |                    |                                       |                            |
| 1    | 2                            | 3                                                                            | 4                           | 5                                             | 6                  | 7                                     | 8                          |
| 13.2 | Ban Thi đua Khen thưởng      | Thực hiện công tác tham mưu, theo dõi, tổng hợp, thẩm định hồ sơ khen thưởng | Đại học trở lên             | Luật kinh tế                                  | 1                  | Chuyên viên                           | 01.003                     |
| 13.3 | Chi cục Văn thư Lưu trữ      | Thực hiện công tác quản lý Tài chính, kế toán                                | Đại học trở lên             | Kế toán                                       | 1                  | Kế toán viên                          | 06.031                     |
| 14   | Văn phòng UBND tỉnh          |                                                                              |                             |                                               | 12                 |                                       |                            |
| 14.1 | Phòng Kinh tế - Tổng hợp     | Tổng hợp chung, Tổng hợp tài chính ngân sách                                 | Đại học trở lên             | Cử nhân Kinh tế (ngành Tài chính - Ngân hàng) | 1                  | Chuyên viên                           | 01.003                     |
|      |                              |                                                                              | Đại học trở lên             | Cử nhân Kinh tế (ngành Kinh tế nông nghiệp)   | 1                  | Chuyên viên                           | 01.003                     |
| 14.2 | Phòng Công nghiệp - xây dựng | Tổng hợp xây dựng cơ bản                                                     | Đại học trở lên             | Khoa học môi trường                           | 1                  | Chuyên viên                           | 01.003                     |
|      |                              |                                                                              | Đại học trở lên             | Quản lý đất đai                               | 1                  | Chuyên viên                           | 01.003                     |
| 14.3 | Phòng Nông lâm               | Tổng hợp kinh tế ngành                                                       | Đại học trở lên             | Nông học ngành Trồng trọt                     | 1                  | Chuyên viên                           | 01.003                     |
|      |                              |                                                                              | Đại học trở lên             | Lâm nghiệp (ngành lâm sinh)                   | 1                  | Chuyên viên                           | 01.003                     |
| 14.4 | Ban Tiếp công dân            | Tổng hợp tiếp công dân                                                       | Đại học trở lên             | Luật (ngành Luật hành chính)                  | 1                  | Chuyên viên                           | 01.003                     |
| 14.5 | Phòng Hành chính quản trị    | Văn thư - Lưu trữ                                                            | Trung cấp trở lên           | Văn thư- lưu trữ                              | 1                  | Nhân viên;<br>Cán sự;<br>Chuyên viên; | 01.005<br>01.004<br>01.003 |

| T | Đơn vị tuyển dụng                    | Tên vị trí việc làm cần tuyển dụng<br>và mô tả công việc chính | Yêu cầu trình độ chuyên môn |                                    | Số<br>lượng<br>cần<br>tuyển | Tuyển dụng<br>vào ngạch | Mã<br>ngạch | Ghi chú |
|---|--------------------------------------|----------------------------------------------------------------|-----------------------------|------------------------------------|-----------------------------|-------------------------|-------------|---------|
|   |                                      |                                                                | Trình độ                    | Các chuyên ngành<br>được nộp hồ sơ |                             |                         |             |         |
|   |                                      | 3                                                              | 4                           | 5                                  | 6                           | 7                       | 8           | 9       |
| 5 | Phòng Nội chính                      | Tổng hợp nội chính                                             | Đại học trở lên             | Hành chính (ngành Thanh tra)       | 1                           | Chuyên viên             | 01.003      |         |
|   |                                      |                                                                | Đại học trở lên             | Hệ thống thông tin kinh tế         | 1                           | Chuyên viên             | 01.003      |         |
|   |                                      |                                                                | Đại học trở lên             | Luật (ngành luật dân sự)           | 1                           | Chuyên viên             | 01.003      |         |
|   |                                      |                                                                | Đại học trở lên             | Luật (ngành luật Quốc tế)          | 1                           | Chuyên viên             | 01.003      |         |
|   | Sở Y tế                              |                                                                |                             |                                    | 7                           |                         |             |         |
|   | Văn phòng Sở Y tế                    |                                                                |                             |                                    | 4                           |                         |             |         |
|   | Phòng Nghiệp vụ Y                    | Quản lý hành nghề Y được tư nhân                               | Đại học trở lên             | Y học cổ truyền                    | 1                           | Chuyên viên             | 01.003      |         |
|   | Phòng Kế hoạch Tài chính             | Quản lý tài chính kế toán                                      | Đại học trở lên             | Kinh tế và Quản lý công            | 1                           | Chuyên viên             | 01.003      |         |
|   | Phòng Tổ chức cán bộ                 | Quản lý nhân sự và đội ngũ                                     | Đại học trở lên             | Y tế công cộng, quản trị nhân sự   | 1                           | Chuyên viên             | 01.003      |         |
|   | Văn phòng                            | Văn thư                                                        | Đại học trở lên             | Văn thư                            | 1                           | Chuyên viên             | 01.003      |         |
|   | Chi cục dân số kế hoạch hóa gia đình |                                                                |                             |                                    | 1                           |                         |             |         |
|   | Phòng Dân số - Kế hoạch hóa gia đình | Quản lý công tác dân số KHHGD                                  | Đại học trở lên             | Bác sĩ đa khoa                     | 1                           | Chuyên viên             | 01.003      |         |
|   | Chi cục an toàn vệ sinh thực phẩm    |                                                                |                             |                                    | 2                           |                         |             |         |

| STT | Đơn vị tuyển dụng          | Tên vị trí việc làm cần tuyển dụng và mô tả công việc chính | Yêu cầu trình độ chuyên môn |                                  | Số lượng cần tuyển | Tuyển dụng vào ngạch | Mã ngạch |
|-----|----------------------------|-------------------------------------------------------------|-----------------------------|----------------------------------|--------------------|----------------------|----------|
|     |                            |                                                             | Trình độ                    | Các chuyên ngành được nộp hồ sơ  |                    |                      |          |
| 1   | 2                          | 3                                                           | 4                           | 5                                | 6                  | 7                    | 8        |
|     | Phòng Thanh tra            | Quản lý vệ sinh an toàn thực phẩm                           | Thạc sĩ                     | Y tế công cộng                   | 1                  | Chuyên viên          | 01.003   |
|     | Phòng Nghiệp vụ            | Quản lý vệ sinh an toàn thực phẩm                           | Đại học trở lên             | Bác sĩ đa khoa                   | 1                  | Chuyên viên          | 01.003   |
| 16  | Ban Dân tộc                |                                                             |                             |                                  | 1                  |                      |          |
|     | Văn phòng                  | Kế toán                                                     | Đại học trở lên             | Tài chính - kế toán              | 1                  | Kế toán viên         | 06.031   |
| B   | CẤP HUYỆN                  |                                                             |                             |                                  | 93                 |                      |          |
| 1   | TP Pleiku                  |                                                             |                             |                                  | 8                  |                      |          |
| 1.1 | Văn phòng HĐND và UBND     | Hành chính tổng hợp                                         | Đại học trở lên             | Tài chính; Tài chính - Ngân hàng | 1                  | Chuyên viên          | 01.003   |
|     |                            |                                                             | Đại học trở lên             | Quản lý Tài nguyên và môi trường | 1                  | Chuyên viên          | 01.003   |
| 1.2 | Thanh tra thành phố        | Giải quyết khiếu nại tố cáo                                 | Đại học trở lên             | Luật                             | 1                  | Chuyên viên          | 01.003   |
| 1.3 | Phòng Văn hóa và Thông tin | Quản lý văn hóa và gia đình                                 | Đại học trở lên             | Văn hóa                          | 1                  | Chuyên viên          | 01.003   |
| 1.4 | Phòng Tài chính - Kế hoạch | Quản lý kế hoạch và đầu tư                                  | Đại học trở lên             | Xây dựng dân dụng                | 1                  | Chuyên viên          | 01.003   |
| 1.5 | Phòng Quản lý đô thị       | Quản lý giao thông vận tải                                  | Đại học trở lên             | Xây dựng cầu đường               | 1                  | Chuyên viên          | 01.003   |
| 1.6 | Phòng Kinh tế              | Quản lý khoa học và công nghệ                               | Đại học trở lên             | Công nghệ sinh học               | 1                  | Chuyên viên          | 01.003   |
| 1.7 | Phòng Tư pháp              | Phổ biến và theo dõi thi hành pháp luật                     | Đại học trở lên             | Luật                             | 1                  | Chuyên viên          | 01.003   |

| Đơn vị tuyển dụng        | Tên vị trí việc làm cần tuyển dụng và mô tả công việc chính | Yêu cầu trình độ chuyên môn |                                                                | Số lượng cần tuyển | Tuyển dụng vào ngạch | Mã ngạch | Ghi chú |
|--------------------------|-------------------------------------------------------------|-----------------------------|----------------------------------------------------------------|--------------------|----------------------|----------|---------|
|                          |                                                             | Trình độ                    | Các chuyên ngành được nộp hồ sơ                                |                    |                      |          |         |
|                          | 3                                                           | 4                           | 5                                                              | 6                  | 7                    | 8        | 9       |
|                          |                                                             |                             |                                                                | 6                  |                      |          |         |
| Văn phòng HĐND&UBND      | Văn thư, lưu trữ                                            | Đại học trở lên             | Văn thư, lưu trữ                                               | 1                  | Chuyên viên          | 01.003   |         |
|                          | Công nghệ thông tin - quản trị công sở                      | Đại học trở lên             | Công nghệ thông tin                                            | 1                  | Chuyên viên          | 01.003   |         |
| Phòng Tư pháp            | Hành chính Tư pháp                                          | Đại học trở lên             | Luật                                                           | 1                  | Chuyên viên          | 01.003   |         |
| Phòng Tài chính Kế hoạch | Quản lý tài chính- ngân sách                                | Đại học trở lên             | Tài chính; kế toán                                             | 1                  | Chuyên viên          | 01.003   |         |
| Phòng Quản lý đô thị     | Quản lý quy hoạch - kiến trúc                               | Đại học trở lên             | Kỹ thuật công trình xây dựng; Kiến trúc sư                     | 1                  | Chuyên viên          | 01.003   |         |
|                          | Quản lý giao thông, vận tải.                                |                             | Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông                        | 1                  | Chuyên viên          | 01.003   |         |
| Thị xã Ayun Pa           |                                                             |                             |                                                                | 1                  |                      |          |         |
| Phòng Tài chính - KH     | Quản lý đầu tư xây dựng cơ bản                              | Đại học trở lên             | Xây dựng dân dụng và công nghiệp; Kỹ thuật công trình xây dựng | 1                  | Chuyên viên          | 01.003   |         |
| Huyện Đức Cơ             |                                                             |                             |                                                                | 3                  |                      |          |         |
| Văn phòng HĐND&UBND      | Hành chính tổng hợp                                         | Đại học trở lên             | Quản lý đất đai                                                | 1                  | Chuyên viên          | 01.003   |         |
|                          | Văn thư lưu trữ                                             | Đại học trở lên             | Văn thư lưu trữ                                                | 1                  | Chuyên viên          | 01.003   |         |

| STT | Đơn vị tuyển dụng                         | Tên vị trí việc làm cần tuyển dụng<br>và mô tả công việc chính   | Yêu cầu trình độ chuyên môn |                                                            | Số<br>lượng<br>cần<br>tuyển | Tuyển dụng<br>vào ngạch | Mã<br>ngạch |
|-----|-------------------------------------------|------------------------------------------------------------------|-----------------------------|------------------------------------------------------------|-----------------------------|-------------------------|-------------|
|     |                                           |                                                                  | Trình độ                    | Các chuyên ngành<br>được nộp hồ sơ                         |                             |                         |             |
| 1   | 2                                         | 3                                                                | 4                           | 5                                                          | 6                           | 7                       | 8           |
| 4.2 | Phòng Nội vụ                              | Quản lý tổ chức biên chế-Hội                                     | Đại học trở lên             | Hành chính; Quản lý<br>nhà nước                            | 1                           | Chuyên viên             | 01.003      |
| 5   | Huyện Ia Grai                             |                                                                  |                             |                                                            | 4                           |                         |             |
| 5.1 | Phòng Nội vụ                              | Phụ trách công tác Tôn giáo                                      | Đại học trở lên             | Lịch sử; Tôn giáo                                          | 1                           | Chuyên viên             | 01.003      |
| 5.2 | Phòng Tài chính - Kế hoạch                | Phụ trách công tác kế hoạch đầu tư                               | Đại học trở lên             | Xây dựng dân dụng và<br>công nghiệp                        | 1                           | Chuyên viên             | 01.003      |
| 5.3 | Phòng Tài nguyên và Môi trường            | Phụ trách công tác quản lý đất đai                               | Đại học trở lên             | Quản lý đất đai                                            | 1                           | Chuyên viên             | 01.003      |
|     |                                           | Phụ trách công tác quản lý Môi<br>trường, khoáng sản, tài nguyên | Đại học trở lên             | Quản lý tài nguyên;<br>quản lý tài nguyên và<br>môi trường | 1                           | Chuyên viên             | 01.003      |
| 6   | Huyện Chư Prông                           |                                                                  |                             |                                                            | 10                          |                         |             |
| 6.1 | Phòng Tư pháp                             | Hành chính tư pháp                                               | Đại học trở lên             | Luật                                                       | 1                           | Chuyên viên             | 01.003      |
| 6.2 | Phòng Lao động - Thương binh<br>và Xã hội | Quản lý lao động, việc làm và dạy nghề                           | Đại học trở lên             | Lao động tiền lương; Xã<br>hội học; Công tác xã hội        | 1                           | Chuyên viên             | 01.003      |
| 6.3 | Thanh tra huyện                           | Thanh tra                                                        | Đại học trở lên             | Quản lý đất đai                                            | 1                           | Chuyên viên             | 01.003      |
| 6.4 | Phòng Kinh tế và Hạ tầng                  | Quản lý giao thông, vận tải                                      | Đại học trở lên             | Xây dựng cầu đường                                         | 1                           | Chuyên viên             | 01.003      |
|     |                                           | Quản lý xây dựng                                                 | Đại học trở lên             | Kiến trúc sư; Xây dựng<br>dân dụng                         | 1                           | Chuyên viên             | 01.003      |

| T | Đơn vị tuyển dụng                                                                                                              | Tên vị trí việc làm cần tuyển dụng<br>và mô tả công việc chính | Yêu cầu trình độ chuyên môn |                                      | Số<br>lượng<br>cần<br>tuyển | Tuyển dụng<br>vào ngạch | Mã<br>ngạch | Ghi chú |
|---|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------|-----------------------------|--------------------------------------|-----------------------------|-------------------------|-------------|---------|
|   |                                                                                                                                |                                                                | Trình độ                    | Các chuyên ngành<br>được nộp hồ sơ   |                             |                         |             |         |
|   |                                                                                                                                | 3                                                              | 4                           | 5                                    | 6                           | 7                       | 8           | 9       |
|   | <br>Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn | Quản lý về thủy lợi (hồ, đập, phòng chống lụt bão)             | Đại học trở lên             | Thủy lợi - Thủy sản                  | 1                           | Chuyên viên             | 01.003      |         |
|   |                                                                                                                                | Quản lý về lâm nghiệp                                          | Đại học trở lên             | Lâm nghiệp                           | 1                           | Chuyên viên             | 01.003      |         |
|   | Văn phòng HĐND&UBND                                                                                                            | Hành chính tổng hợp                                            | Đại học trở lên             | Kinh tế phát triển                   | 1                           | Chuyên viên             | 01.003      |         |
|   |                                                                                                                                | Theo dõi công tác biên giới                                    | Đại học trở lên             | Kinh tế đối ngoại                    | 1                           | Chuyên viên             | 01.003      |         |
|   | Tài chính - kế hoạch                                                                                                           | Quản lý kế hoạch và đầu tư, xây dựng                           | Đại học trở lên             | Kinh tế - xây dựng                   | 1                           | Chuyên viên             | 01.003      |         |
|   | <b>Huyện Ia Pa</b>                                                                                                             |                                                                |                             |                                      | <b>3</b>                    |                         |             |         |
|   | Phòng Nội vụ                                                                                                                   | Quản lý chính quyền                                            | Đại học trở lên             | Hành chính; Luật                     | 1                           | Chuyên viên             | 01.003      |         |
|   | Phòng Tài nguyên - MT                                                                                                          | Quản lý đất đai                                                | Đại học trở lên             | Quản lý đất đai; trắc địa; địa chính | 1                           | Chuyên viên             | 01.003      |         |
|   | Phòng Kinh tế - HT                                                                                                             | Quản lý xây dựng                                               | Đại học trở lên             | Xây dựng, kiến trúc                  | 1                           | Chuyên viên             | 01.003      |         |
|   | <b>Huyện Chư Pưh</b>                                                                                                           |                                                                |                             |                                      | <b>6</b>                    |                         |             |         |
|   | Phòng Lao động TB&XH                                                                                                           | Chuyên viên thực hiện Chính sách người có công                 | Đại học trở lên             | Công tác xã hội                      | 1                           | Chuyên viên             | 01.003      |         |
|   | Phòng Nội vụ                                                                                                                   | Chuyên viên Quản lý đội ngũ CBCCVC                             | Đại học trở lên             | Hành chính học                       | 1                           | Chuyên viên             | 01.003      |         |

| STT  | Đơn vị tuyển dụng                                                                 | Tên vị trí việc làm cần tuyển dụng<br>và mô tả công việc chính                                                                                                         | Yêu cầu trình độ chuyên môn |                                       | Số<br>lượng<br>cần<br>tuyển | Tuyển dụng<br>vào ngạch | Mã<br>ngạch |
|------|-----------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------|---------------------------------------|-----------------------------|-------------------------|-------------|
|      |                                                                                   |                                                                                                                                                                        | Trình độ                    | Các chuyên ngành<br>được nộp hồ sơ    |                             |                         |             |
| 1    | 2                                                                                 | 3                                                                                                                                                                      | 4                           | 5                                     | 6                           | 7                       | 8           |
| 8.3  | Phòng Tư pháp                                                                     | Chuyên viên phổ cập và theo dõi thi hành pháp luật                                                                                                                     | Đại học trở lên             | Luật                                  | 1                           | Chuyên viên             | 01.003      |
| 8.4  | Phòng Tài nguyên - MT                                                             | Chuyên viên Quản lý đất đai                                                                                                                                            | Đại học trở lên             | Quản lý Đất đai                       | 1                           | Chuyên viên             | 01.003      |
| 8.5  | Phòng Kinh tế - Hạ tầng                                                           | Chuyên viên Quản lý Công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp                                                                                                                  | Đại học trở lên             | Quản trị kinh doanh                   | 1                           | Chuyên viên             | 01.003      |
| 8.6  | Phòng Tài chính - Kế hoạch                                                        | Quản lý ngân sách                                                                                                                                                      | Đại học trở lên             | Kinh tế phát triển                    | 1                           | Chuyên viên             | 01.003      |
| 9    | Huyện Kbang                                                                       |                                                                                                                                                                        |                             |                                       | 2                           |                         |             |
| 9.1  | Văn phòng HĐND&UBND huyện (Sáp nhập Phòng Y tế về Văn phòng HĐND&UBND vào quý IV) | Quản lý nghiệp vụ y; quản lý dược, mỹ phẩm; quản lý an toàn thực phẩm; Quản lý tế cơ sở và y tế dự phòng; Quản lý dân số, kế hoạch hóa gia đình; Quản lý bảo hiểm y tế | Đại học trở lên             | Y đa khoa; Dược                       | 1                           | Chuyên viên             | 01.003      |
| 9.2  | Phòng Kinh tế & Hạ tầng                                                           | Quản lý thương mại; Quản lý Công nghiệp và tiểu thủ công nghiệp                                                                                                        | Đại học trở lên             | Kinh tế                               | 1                           | Chuyên viên             | 01.003      |
| 10   | Huyện Krông Pa                                                                    |                                                                                                                                                                        |                             |                                       | 6                           |                         |             |
| 10.1 | Phòng Y tế                                                                        | Quản lý nghiệp vụ y                                                                                                                                                    | Đại học trở lên             | Y đa khoa; công nghệ kỹ thuật hóa học | 1                           | Chuyên viên             | 01.003      |
| 10.2 | Phòng Kinh tế-Hạ tầng                                                             | Quản lý thương mại                                                                                                                                                     | Đại học trở lên             | Quản trị kinh doanh                   | 1                           | Chuyên viên             | 01.003      |

| T                   | Đơn vị tuyển dụng          | Tên vị trí việc làm cần tuyển dụng<br>và mô tả công việc chính | Yêu cầu trình độ chuyên môn |                                                         | Số<br>lượng<br>cần<br>tuyển | Tuyển dụng<br>vào ngạch | Mã<br>ngạch | Ghi chú |
|---------------------|----------------------------|----------------------------------------------------------------|-----------------------------|---------------------------------------------------------|-----------------------------|-------------------------|-------------|---------|
|                     |                            |                                                                | Trình độ                    | Các chuyên ngành<br>được nộp hồ sơ                      |                             |                         |             |         |
|                     |                            | 3                                                              | 4                           | 5                                                       | 6                           | 7                       | 8           | 9       |
| 3                   | Phòng Lao động-TB&XH       | Chính sách người có công                                       | Đại học trở lên             | Xã hội học                                              | 1                           | Chuyên viên             | 01.003      |         |
|                     |                            | Quản lý về lao động, việc làm và dạy nghề                      | Đại học trở lên             | Lao động tiền lương                                     | 1                           | Chuyên viên             | 01.003      |         |
| 4                   | Phòng Nông nghiệp và PTNT  | Quản lý nông nghiệp                                            | Đại học trở lên             | Nông học; trồng trọt                                    | 1                           | Chuyên viên             | 01.003      |         |
| 5                   | Phòng Tài nguyên-MT        | Quản lý đất đai                                                | Đại học trở lên             | Trắc địa-Bản đồ                                         | 1                           | Chuyên viên             | 01.003      |         |
| <b>Huyện Chư Sê</b> |                            |                                                                |                             |                                                         | <b>8</b>                    |                         |             |         |
|                     | Văn phòng HĐND- UBND huyện | Công nghệ thông tin                                            | Đại học trở lên             | Vô tuyến điện và thông tin liên lạc; Công nghệ thôn tin | 1                           | Chuyên viên             | 01.003      |         |
|                     |                            | Hành chính tổng hợp                                            | Đại học trở lên             | Kinh tế; Kế toán                                        | 1                           | Chuyên viên             | 01.003      |         |
|                     | Phòng Nội vụ               | Quản lý tôn giáo                                               | Đại học trở lên             | Luật; Xã hội học                                        | 1                           | Chuyên viên             | 01.003      |         |
|                     | Phòng Tài nguyên- MT       | Quản lý môi trường                                             | Đại học trở lên             | Quản lý Tài nguyên và môi trường                        | 1                           | Chuyên viên             | 01.003      |         |
|                     | Phòng Nông nghiệp và PTNT  | Theo dõi xây dựng nông thôn mới                                | Đại học trở lên             | Kinh tế nông nghiệp                                     | 1                           | Chuyên viên             | 01.003      |         |
|                     |                            | Quản lý về chăn nuôi                                           | Đại học trở lên             | Chăn nuôi; thú y                                        | 1                           | Chuyên viên             | 01.003      |         |
|                     | Phòng Văn hóa và Thông tin | Quản lý thông tin truyền thông                                 | Đại học trở lên             | Công nghệ thông tin                                     | 1                           | Chuyên viên             | 01.003      |         |

| STT  | Đơn vị tuyển dụng              | Tên vị trí việc làm cần tuyển dụng và mô tả công việc chính       | Yêu cầu trình độ chuyên môn |                                    | Số lượng cần tuyển | Tuyển dụng vào ngạch | Mã ngạch |
|------|--------------------------------|-------------------------------------------------------------------|-----------------------------|------------------------------------|--------------------|----------------------|----------|
|      |                                |                                                                   | Trình độ                    | Các chuyên ngành được nộp hồ sơ    |                    |                      |          |
| 1    | 2                              | 3                                                                 | 4                           | 5                                  | 6                  | 7                    | 8        |
| 11.6 | Phòng Kinh tế và Hạ tầng       | Quản lý thương mại                                                | Đại học trở lên             | Thương mại; Kinh tế xây dựng       | 1                  | Chuyên viên          | 01.003   |
| 12   | Huyện Kông Chro                |                                                                   |                             |                                    | 6                  |                      |          |
| 12.1 | Văn phòng HĐND-UBND            | Công tác tiếp công dân và xử lý đơn; kiểm soát thủ tục hành chính | Đại học trở lên             | Luật; các ngành Kinh tế            | 1                  | Chuyên viên          | 01.003   |
|      |                                | Công tác quản lý văn thư - lưu trữ, tổng hợp                      | Đại học trở lên             | Văn thư - Lưu trữ; Hành chính      | 1                  | Chuyên viên          | 01.003   |
|      |                                | Chuyên viên tổng hợp, phụ trách lĩnh vực quản lý nhà nước về y tế | Đại học trở lên             | Bác sỹ đa khoa                     | 1                  | Chuyên viên          | 01.003   |
| 12.2 | Phòng Tài nguyên và Môi trường | Công tác lĩnh vực đất đai, tài nguyên và khoáng sản               | Đại học trở lên             | Địa lý Tài nguyên và Môi trường    | 1                  | Chuyên viên          | 01.003   |
|      |                                |                                                                   | Đại học trở lên             | Quản lý đất đai                    | 1                  | Chuyên viên          | 01.003   |
| 12.3 | Phòng Kinh tế - Hạ tầng        | Quản lý quy hoạch - kiến trúc và xây dựng                         | Đại học trở lên             | Xây dựng                           | 1                  | Chuyên viên          | 01.003   |
| 13   | Huyện Mang Yang                |                                                                   |                             |                                    | 7                  |                      |          |
| 13.1 | Phòng Tài chính - Kế hoạch     | Quản lý kế hoạch và đầu tư                                        | Đại học trở lên             | Kinh tế đầu tư; Kinh tế - Kế hoạch | 1                  | Chuyên viên          | 01.003   |
|      |                                | Quản lý tài chính - ngân sách                                     | Đại học trở lên             | Kế toán; Tài chính ngân hàng       | 1                  | Chuyên viên          | 01.003   |

| Đơn vị tuyển dụng                        | Tên vị trí việc làm cần tuyển dụng<br>và mô tả công việc chính | Yêu cầu trình độ chuyên môn |                                                                | Số<br>lượng<br>cần<br>tuyển | Tuyển dụng<br>vào ngạch | Mã<br>ngạch | Ghi chú |
|------------------------------------------|----------------------------------------------------------------|-----------------------------|----------------------------------------------------------------|-----------------------------|-------------------------|-------------|---------|
|                                          |                                                                | Trình độ                    | Các chuyên ngành<br>được nộp hồ sơ                             |                             |                         |             |         |
|                                          | 3                                                              | 4                           | 5                                                              | 6                           | 7                       | 8           | 9       |
| Phòng Kinh tế và Hạ tầng                 | Quản lý giao thông vận tải                                     | Đại học trở lên             | Quy hoạch và thiết kế<br>công trình giao thông                 | 1                           | Chuyên viên             | 01.003      |         |
| Phòng Lao động, Thương binh<br>và Xã hội | Quản lý về lao động, việc làm và dạy<br>nghề                   | Đại học trở lên             | Lao động xã hội; Công<br>tác xã hội và phát triển<br>cộng đồng | 1                           | Chuyên viên             | 01.003      |         |
| Phòng Tư Pháp                            | Theo dõi công tác hành chính tư pháp                           | Đại học trở lên             | Luật                                                           | 1                           | Chuyên viên             | 01.003      |         |
| Phòng Văn hóa và Thông Tin               | Theo dõi công tác quản lý văn hóa<br>thông tin cơ sở           | Đại học trở lên             | Quản lý văn hóa                                                | 1                           | Chuyên viên             | 01.003      |         |
| Phòng Tài Nguyên và Môi<br>trường        | Kế toán                                                        | Đại học trở lên             | Kế toán                                                        | 1                           | Kế toán viên            | 06.031      |         |
| Huyện Đak Đoa                            |                                                                |                             |                                                                | 9                           |                         |             |         |
| Phòng Văn hóa và Thông tin               | Quản lý Thông tin - Truyền thông                               | Đại học trở lên             | Công nghệ thông tin                                            | 1                           | Chuyên viên             | 01.003      |         |
| Văn phòng HĐND và UBND<br>huyện          | Chuyên trách giúp Hội đồng nhân dân                            | Đại học trở lên             | Các ngành Kinh tế                                              | 1                           | Chuyên viên             | 01.003      |         |
|                                          | Hành chính tổng hợp                                            |                             | Luật                                                           | 1                           | Chuyên viên             | 01.003      |         |
|                                          | Hành chính một cửa                                             |                             | Luật                                                           | 1                           | Chuyên viên             | 01.003      |         |
| Phòng Nội vụ                             | Quản lý Thi đua - Khen thưởng                                  | Đại học trở lên             | Luật                                                           | 2                           | Chuyên viên             | 01.003      |         |
|                                          | Quản lý tôn giáo                                               |                             |                                                                |                             |                         |             |         |

| STT  | Đơn vị tuyển dụng              | Tên vị trí việc làm cần tuyển dụng và mô tả công việc chính | Yêu cầu trình độ chuyên môn |                                             | Số lượng cần tuyển | Tuyển dụng vào ngạch           | Mã ngạch                   |
|------|--------------------------------|-------------------------------------------------------------|-----------------------------|---------------------------------------------|--------------------|--------------------------------|----------------------------|
|      |                                |                                                             | Trình độ                    | Các chuyên ngành được nộp hồ sơ             |                    |                                |                            |
| 1    |                                | 3                                                           | 4                           | 5                                           | 6                  | 7                              | 8                          |
| 14.4 | Phòng Kinh tế và Hạ tầng       | Quản lý xây dựng                                            | Đại học trở lên             | Xây dựng dân dụng và công nghiệp; Kiến trúc | 1                  | Chuyên viên                    | 01.003                     |
|      |                                | Quản lý thương mại                                          |                             | Kinh tế hoặc Tài chính                      | 1                  | Chuyên viên                    | 01.003                     |
| 14.5 | Phòng Tài nguyên và Môi trường | Quản lý tài nguyên nước, khoáng sản                         | Đại học trở lên             | Tài nguyên nước, khoáng sản                 | 1                  | Chuyên viên                    | 01.003                     |
| 15   | Huyện Đak Pơ                   |                                                             |                             |                                             | 4                  |                                |                            |
| 15.1 | Văn phòng HĐND & UBND          | Văn thư                                                     | Cao đẳng trở lên            | Văn thư                                     | 1                  | Cán sự; Chuyên viên            | 01.004<br>01.003           |
|      |                                | Chuyên trách giúp HĐND                                      | Đại học trở lên             | Luật; Hành chính                            | 1                  | Chuyên viên                    | 01.003                     |
| 15.2 | Phòng Kinh tế & Hạ tầng        | Quản lý nhà nước về giao thông vận tải                      | Đại học trở lên             | Xây dựng cầu đường                          | 1                  | Chuyên viên                    | 01.003                     |
| 15.3 | Phòng Tài nguyên & Môi trường  | Quản lý đất đai                                             | Đại học trở lên             | Địa chính; Quản lý đất đai                  | 1                  | Chuyên viên                    | 01.003                     |
| 16   | Huyện Phú Thiện                |                                                             |                             |                                             | 10                 |                                |                            |
| 16.1 | Văn phòng HĐND-UBND huyện      | Văn thư - Lưu trữ                                           | Trung cấp trở lên           | Văn thư- lưu trữ                            | 1                  | Nhân viên; Cán sự; Chuyên viên | 01.0050<br>1.004<br>01.003 |
| 16.2 | Phòng Tài nguyên - Môi trường  | Quản lý đất đai                                             | Đại học trở lên             | Quản lý đất đai                             | 1                  | Chuyên viên                    | 01.003                     |

| Đơn vị tuyển dụng          | Tên vị trí việc làm cần tuyển dụng và mô tả công việc chính | Yêu cầu trình độ chuyên môn |                                                                          | Số lượng cần tuyển | Tuyển dụng vào ngạch | Mã ngạch | Ghi chú |
|----------------------------|-------------------------------------------------------------|-----------------------------|--------------------------------------------------------------------------|--------------------|----------------------|----------|---------|
|                            |                                                             | Trình độ                    | Các chuyên ngành được nộp hồ sơ                                          |                    |                      |          |         |
|                            | 3                                                           | 4                           | 5                                                                        | 6                  | 7                    | 8        | 9       |
| Phòng Văn hóa - Thông tin  | Quản lý thể dục, thể thao và du lịch                        | Đại học trở lên             | Du lịch; Quản trị du lịch; Địa lý du lịch                                | 1                  | Chuyên viên          | 01.003   |         |
| Phòng Lao động TBXH        | Công tác bảo vệ và chăm sóc trẻ em                          | Đại học trở lên             | Công tác xã hội; xã hội học                                              | 1                  | Chuyên viên          | 01.003   |         |
|                            | Quản lý về lao động, việc làm và dạy nghề                   | Đại học trở lên             | Công tác xã hội; Xã hội học                                              | 1                  | Chuyên viên          | 01.003   |         |
| Phòng Tài chính - Kế hoạch | Quản lý kế hoạch và đầu tư                                  | Đại học trở lên             | Kinh tế; Xây dựng                                                        | 1                  | Chuyên viên          | 01.003   |         |
|                            | Quản lý tài chính - ngân sách                               | Đại học trở lên             | Kế toán                                                                  | 1                  | Chuyên viên          | 01.003   |         |
| Phòng Dân tộc              | Theo dõi công tác dân tộc                                   | Đại học trở lên             | Đại học Luật; Hành chính                                                 | 1                  | Chuyên viên          | 01.003   |         |
| Phòng Kinh tế - Hạ tầng    | Quản lý giao thông vận tải                                  | Đại học trở lên             | Công nghệ kỹ thuật công trình xây dựng (chuyên ngành xây dựng cầu đường) | 1                  | Chuyên viên          | 01.003   |         |
|                            | Quản lý xây dựng                                            | Đại học trở lên             | Kiến trúc                                                                | 1                  | Chuyên viên          | 01.003   |         |